Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: SỞ CÔNG THƯƠNG
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 4 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2023 như sau:

A PHẦN SỐ LIỆU

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý I	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với quý I/2022 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách**				
I	**Số thu**	**1.200,00**	**186,420**	**15,54**	**316,77**
1	**Thu lệ phí**				
2	**Thu phí**	**200,00**	**139,320**	**69,66**	**3,49**
2.1	Phí kinh doanh thương mại có điều kiện	56,0	39,6	70,71	5,66
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	100,0	81,22	81,22	3,48
2.3	Phí thẩm định cấp GP hoạt động điện lực	4,8	2,3	47,92	1,00
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	10,5		-	-
2.5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	25,5	14	54,90	2,55
2.6	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhânh đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	3,2	2,2	68,75	2,20
3	**Số thu sự nghiệp**	**1.000**	**47,1**	**18,3**	**0,0**
3.1	Thu từ hoạt động tư vấn, giám sát công trình điện	850	23,8	2,80	
3.2	Thu từ đào tạo, tập huấn các lớp kinh doanh xăng dầu, khí ga hóa lỏng, vật liệu nổ CN	150	23,3	15,53	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện quý I	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với quý I/2022 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
II	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**748**	**38,29**		**-**
1	***Chi sự nghiệp kinh tế***	***593***	*23,3*	*3,93*	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	593	23,3	3,93	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***	***155,05***	***14,99***	***9,67***	**-**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	155,05	14,99	9,67	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số nộp ngân sách nhà nước**	**44,95**			
1	***Lệ phí***				
2	***Phí***	***44,95***	***31,172***	***69,35***	***4,25***
2.1	Phí kinh doanh thương mại có điều kiện	28,0	19,8	70,71	5,66
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	10	8,122	81,22	3,48
2.3	Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động điện lực	0,5	0,23	47,92	1,00
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ CN	1,1	0	-	
2.5	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	5,1	2,8	54,90	2,55
2.6	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	0,3	0,22	68,75	0,22
3	***Sự nghiệp***			-	-
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**15.025,0**	**2.011,21**	**13,39**	**129,19**
1	**Chi quản lý hành chính**	**6.776,0**	**1.437,37**	**21,21**	**117,48**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.204	1.321,28	21,30	104,26
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	572,0	116,09	20,30	116,09
2	**Chi sự nghiệp GD, đào tạo và dạy nghề**	**27**	**9,41**	**34,84**	**10**
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27	9,41	34,84	9,6
3	**Chi hoạt động kinh tế**	**8.222**	**564,431**	**6,86**	**169,35**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.222	564,431	6,86	1,12

B PHẦN THUYẾT MINH

1 Phần thu

1.1 Thu phí, lệ phí

Tổng số thu 139.320.000 đồng đạt 69,66% kế hoạch được giao trong năm; vượt 249% so với cùng kỳ năm trước.

Thu nộp ngân sách nhà nước đạt 69,35% so với kế hoạch giao đầu năm.

1.2 Thu sự nghiệp

Tổng số thu 47.100.000 đồng đạt 5% so với kế hoạch được giao.

2 Phần chi ngân sách

2.1 Chi thực hiện quản lý nhà nước1.321.280.650 đồng đạt 21,3% Kế hoạch được giao, vượt 0,43% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương: 1.114.680.000 đồng.

Chi phúc lợi tập thể: 52.180.000 đồng.

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm: 67.082.050 đồng.

Chi công tác phí, thuế mướn, sửa chữa: 39.275.600 đồng.

Chi nghiệp vụ chuyên môn: 13.260.000 đồng.

Chi các khoản khác: 34.803.000 đồng.

2.2 Chi sự nghiệp 230.029.600 đồng đạt 0,55% kế hoạch được giao cụ thể:

Chi đào tạo: 9.408.000 đồng.

Chi sự nghiệp công nghiệp: 56.466.600 đồng.

Chi sự nghiệp thương mại: 48.065.000 đồng.

Chi quản lý nhà nước nguồn không tự chủ: 116.090.000 đồng.

2.3 Chi sự nghiệp Trung tâm

Tổng chi lương và các khoản chi thường xuyên: 459.979.000 đồng đạt 9,8% kế hoạch giao, đạt 149,6 so với cùng kỳ năm trước.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH

Hoàng Văn Quảng